TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2022/DS-PT
Ngày: 29-9-2022
V/v Tranh chấp dân sự hoàn trả tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thám

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Hoàng;

Bà Ngô Ngọc Phỉ.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Phan Ý Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước- Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 152/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang về việc: "*Tranh chấp dân sự hoàn trả tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST, ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố CĐ, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo các quyết định: Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 161/2022/QĐ-PT, ngày 18 tháng 8 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 267/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Bá Đ, sinh năm 1993, (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 260, đường Thủ Khoa N, khóm 6, phường CP A, thành phố CĐ, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lê Hùng T, sinh năm 1981, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/9/2019); (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp AH, thị trấn AP, huyện AP, tỉnh An Giang.

2. Đồng bị đơn:

2.1. Chi cục Thuế khu vực CĐ – CP, tỉnh An Giang.

Địa chỉ trụ sở: Đường Phan Đình P, phường CP B, thành phố CĐ, tỉnh An Giang;

Đại diện theo ủy quyền của Chi cục Thuế khu vực CĐ – CP, tỉnh An Giang: Ông Nguyễn Minh H - Chức vụ: Phó đội trưởng Chi cục thuế khu vực CĐ - CP, (Có mặt).

2.2. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh An Giang.

Địa chỉ trụ sở: Số 837, đường Trần Hưng Đ, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang;

Đại diện theo ủy quyền Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh An Giang: Ông Châu Đông T2 - Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh CP. (Có đơn xin vắng mặt).

2.3. Ông Trần Minh Việt T3, sinh năm 1968, (Có mặt);

2.4. Bà Hoàng Thị Thu H2, sinh năm 1972, (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Tổ 23, ấp HL 1, thị trấn AC, huyện CT, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh An Giang – Chi nhánh CP

Người đại diện của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh An Giang – Chi nhánh CP: Ông Châu Đông T2 - Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh CP; (Có đơn xin vắng mặt).

3.2. Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam-Chi nhánh Bắc An Giang, (Vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở: Số 14, đường Quang T, khóm CQ 3, phường CP B, thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

4. Người kháng cáo: Ông Trần Minh Việt T3 và bà Hoàng Thị Thu H2 là bị đơn.

Các đương sự còn lại trong vụ án không có kháng cáo.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố CĐ không có kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ cấp sơ thẩm thể hiện:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/9/2019 và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Hùng T cho rằng:

Ngày 27 tháng 6 năm 2017, giữa ông Đ với ông Trần Minh Việt T3 và bà Hoàng Thị Thu H2 có giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1228 ngày 27/6/2017. Nội dung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thể hiện: Ông T3 và bà H2 đồng ý chuyển nhượng cho ông Đ phần đất có diện tích 19.792m^2, mục đích sử dụng đất: CD (chuyên dùng), thửa đất số 115, tờ bản đồ

số 29, đất tọa lạc Quốc lộ 91, ấp MP, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2937201, số vào sổ 05551 QSDĐ/iF do Uỷ ban nhân dân huyện CP cấp ngày 14/06/2004. Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên hai bên thỏa thuận việc nộp thuế và lệ phí thuế do Ông T3 và bà H2 chịu. Ngày 31/10/2017, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh CP đã lập phiếu chuyển thông tin địa chính số 4577.17/PCTTĐC sang Cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính. Sau khi nhận được thông báo Thuế Ông T3 đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính thuế và đã được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh CP điều chỉnh biến động giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên ông Đ. Do có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông Đ đã được cơ quan có thẩm quyền cấp đổi theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 718175, số vào sổ cấp GCN:CS7228 ngày 08/11/2017 với diện tích 19.894m^2. Tuy nhiên giấy chứng nhận mới ghi sai một cột mục đích sử dụng, cụ thể là đất chuyên dùng sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp nhưng lại ghi là đất nông nghiệp khác. Ông Đ yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh CP điều chỉnh lại là đất chuyên dùng đúng hồ sơ gốc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ937201 ngày 14/06/2004, nhưng không được giải quyết với lý do trong quá trình làm hồ sơ thủ tục chuyển nhượng Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh CP và Chi cục Thuế huyện CP có sai sót trong việc tính thuế. Do đó, nếu muốn điều chỉnh thì phải nộp thuế bổ sung, điều này Ông T3 và bà H2 không đồng ý thực hiện. Vụ việc ông Đ có khiếu nại, khởi kiện nhưng do thời gian kéo dài trong khi ông Đ chuyển nhượng đất với mục đích kinh doanh và cần sử dụng ngay nên ông Đ đã nộp thuế thay Ông T3, bà H2 với tổng số tiền 216.603.500 đồng để được điều chỉnh giấy đất đúng với đã nhận chuyển nhượng. Do đó, ông Đ khởi kiện yêu cầu Chi cục Thuế khu vực CĐ - CP (trước đây là Chi cục Thuế huyện CP); Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh CP, ông Trần Minh Việt T3 và bà Hoàng Thị Thu H2 liên đới trả cho ông số tiền 216.603.500 (hai trăm mười sáu triệu, sáu trăm lẻ ba nghìn, năm trăm) đồng.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Bản photo các giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước; Bảng kê khai nộp thuế; Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (QSDĐ); Thông báo đính chính loại đất trong giấy chứng nhận QSDĐ; giấy chứng nhận QSDĐ;

- Theo các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Minh Việt T3 và bà Hoàng Thị Thu H2 cho rằng: Vào tháng 6 năm 2011, gia đình có thế chấp tài sản bảo lãnh cho Công ty TNHH VH TP vay ngân hàng ĐBSCL CN CĐ, nay sát nhập vào ngân hàng BIDV CN Bắc An Giang. Công ty vay vốn nuôi cá tra thua lỗ vốn không khả năng trả nợ, nên gia đình (T3-H2) đồng ý giao tài sản cho ngân hàng BIDV Chi nhánh Bắc An Giang và Thi hành án CP bán để thi hành án theo quyết định của Tòa án nhân dân thành phố CĐ; Vào tháng 4 năm 2017, ngân hàng BIDV Chi nhánh Bắc An Giang (viết tắt ngân hàng) báo cho gia đình có người mua tài sản, gia đình không biết người mua, việc mua bán tài sản thế chấp hoàn toàn do cán bộ và lãnh đạo ngân hàng BIDV

Chi nhánh Bắc An Giang quyết định; Đến ngày 27 tháng 6 năm 2017 tại phòng họp (lầu 1) của ngân hàng BIDV Chi nhánh Bắc An Giang gia đình Ông T3, bà H2 và ông Huỳnh Bá Đ ký hợp đồng CNQSDD tại ngân hàng BIDV Chi nhánh Bắc An Giang để bán tài sản QSDĐ tổng DT: 23.771,40m^2 tại huyện CP với giá 8.100.000.000 (Tám tỷ một trăm triệu đồng); Ngày 02 tháng 11 năm 2017, 02 giấy thông báo nộp thuế của Trần Minh Việt T3 và Huỳnh Bá Đ được chuyển thẳng đến ngân hàng. Sau đó, ngân hàng tự chuyển tiền từ tài khoản Hoàng Thị Thu H2, cụ thể vào lúc 16h6p và 16h59p, để nộp thuế và lệ phí trước bạ theo thông báo (Gia đình ông, bà không nhận được thông báo và không ký ủy nhiệm chi để chuyển tiền nộp thuế). Như vậy, việc bán tài sản và nộp thuế điều do ngân hàng thực hiện; việc ngân hàng thu hồi nợ và thực hiện nghĩa vụ thuế đều do cán bộ, nhân viên ngân hàng và lãnh đạo ngân hàng BIDV chi nhánh Bắc An Giang trực tiếp thực hiện, nên gia đình Ông T3, bà H2 không còn trách nhiệm gì trong việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngoài ra, Ông T3, bà H2 còn cho rằng theo nội dung tại Điều 8 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký ngày 27 tháng 6 năm 2017, thì bên mua (ông Đ) thanh toán tiền vào tài khoản số 709.10.00.0043949 mang tên Hoàng Thị Thu H2 mở tại ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam- Bắc An Giang và ngân hàng sẽ phong tỏa số tiền 532.000.000 (năm trăm ba mươi hai triệu đồng) để thực hiện đóng thuế thu nhập và lệ phí trước bạ theo thông báo thuế, việc bán tài sản để thu hồi nợ và nộp thuế đều do ngân hàng thực hiện, Ông T3, bà H2 không nhận và ký ủy nhiệm chi để chuyển tiền nộp thuế. Từ đó, Ông T3, bà H2 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp là bản photo gồm có: Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ; Thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân chuyển nhượng bất động sản; Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất;

- *Trong quá trình giải quyết vụ án, Chi cục thuế khu vực CĐ-CP cho rằng:* Căn cứ các văn bản của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh CP ngày 02/01/2018 gửi văn bản yêu cầu Chi cục thuế điều chỉnh lại từ đất nông nghiệp sang đất chuyên dùng khác (điều chỉnh cho đúng lại giấy đăng ký QSDĐ cũ của Ông T3, bà H2 đã chuyển nhượng cho ông Đ), nên phát sinh thêm thuế, cụ thể: Chi cục thuế đã thông báo phát hành cho ông Huỳnh Bá Đ phải nộp thêm tiền lệ phí trước bạ số tiền 43.320.700 đồng và thông báo thuế thu nhập cá nhân cho ông Trần Minh Việt T3, bà H2 với số tiền thuế thu nhập cá nhân phải nộp 173.282.800 đồng (tổng cộng 216.603.500 đồng). Sau khi ban hành 02 thông báo, thì nhận được giấy báo đã nộp thêm thuế của ông Đ và Ông T3 đã nộp đúng với thông báo nộp tiền thuế của cơ quan thuế. Cơ quan thuế xác định đúng số tiền thuế phải nộp khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đ và Ông T3 đúng quy định pháp luật, nên Chi cục thuế không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

- *Đại diện Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh An Giang và Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh CP trình bày*: Sau khi nhận được yêu cầu của ông Đ về việc điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng với mục đích sử dụng đất mà Ông T3, bà H2 chuyển nhượng cho ông Đ. Văn phòng đăng ký đất

đai xem xét và có sự nhầm lẫn về loại đất do ký hiệu không rõ ràng về loại đất, lẽ ra Văn phòng đăng ký đất đai phải chuyển thông tin nộp thuế là loại đất chuyên dùng (theo loại đất do Ông T3, bà H2 đang đứng tên QSDĐ), nhưng Văn phòng đăng ký đất đai nghỉ sai về ký hiệu loại đất nên chuyển thông tin nộp thuế là đất nông nghiệp, sau khi nhận thấy có sai sót và Văn phòng đăng ký đất đã chuyển thông tin nộp lại thuế lại cho đúng loại đất chuyên dùng theo quyền sử dụng đất mà Ông T3, bà H2 đã được cấp trước khi chuyển nhượng cho ông Đ, nhưng xác định quyền sử dụng loại đất và nghĩa vụ tài chính về việc nộp thuế là không thay đổi, người sử dụng đất phải nộp thuế đúng với mục đích, loại đất sử dụng đất khi chuyển nhượng QSDĐ. Do đó, việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế là phải theo thỏa thuận hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Đ với Ông T3, bà H2. Từ đó, Văn phòng đăng ký không phải chịu trách nhiệm liên đới trả tiền nộp thuế mà ông Đ đã nộp trước, như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

- *Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh Bắc An Giang (ngân hàng TMCP PTN ĐBSCL chi nhánh CĐ trước đây) trình bày*: Giữa Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang (ngân hàng TMCP PTN ĐBSCL chi nhánh CĐ trước đây) với Công ty TNHH VH TP (do bà Hoàng Thị Thu H2 là giám đốc đại diện) ký hợp đồng tín dụng số NC.0034.11/HĐTD, với số tiền vay 4.500.000.000 đồng; Mục đích vay bổ sung vốn nuôi cá tra, tài sản đảm bảo của ông Trần Minh Việt T3 và bà Hoàng Thị Thu H2 là 03 quyền sử dụng đất (diện tích 387m^2, thửa đất số 114, tờ bản đồ số 29); (diện tích 19.792m^2, thửa đất số 115, tờ bản đồ số 29) và (diện tích 3.592,4m^2, thửa đất số 117, tờ bản đồ số 29). Do khách hàng quá hạn không có nguồn thu, mất khả năng trả nợ, nên ngân hàng khởi kiện. Ngày 29/8/2014, Tòa án nhân dân thành phố CĐ có Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 13/2014/QĐST-KDTM buộc Công ty trả đầy đủ nợ gốc và toàn bộ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký; duy trì các hợp đồng thế chấp bảo đảm khoản vay của công ty cho đến khi trả dứt nợ gốc và lãi.

Vào ngày 13 tháng 7 năm 2015, Chi cục thi hành án dân sự huyện CP ra quyết định thi hành án. Đến ngày 20/6/2017, Công ty TNHH VH TP (viết tắt là Công ty) có đề nghị trả cho ngân hàng số tiền 6.920.000.000 đồng, đồng thời đề nghị xin được giảm toàn bộ số tiền lãi còn lại là 1.990.397.975 đồng. Ngân hàng, nhận thấy Công ty khó khăn là thật và Công ty đã trả nợ cho ngân hàng đúng cam kết vào ngày 27 tháng 6 năm 2017 số tiền 6.920.000.000 đồng (vốn gốc 4.500.000.000 đồng và lãi 2.420.000.000 đồng), nên ngân hàng chấp thuận miễn lãi cho công ty với số tiền giảm lãi là 1.990.397.975 đồng (bao gồm lãi trong hạn và quá hạn); đồng thời thực hiện giải ngân và trả lại tài sản thế chấp cho bên bảo đảm là ông Trần Minh Việt T3 và bà Hoàng Thị Thu H2;

Ngoài ra, tại văn bản số 811/CV-BIDV-BAG ngày 19/7/2021 của ngân hàng BIDV trả lời phúc đáp theo thông báo số 21/2020/TB-TA ngày 17/6/2021 của tòa án nhân dân thành phố CĐ, theo đó, ngân hàng trình bày: ngày 27 tháng 6 năm 2017 BIDV có phong tỏa số tiền 531.839.000đồng, tài khoản thanh toán của bà Hoàng Thị Thu H2 theo thỏa thuận của bà H2 với ông Huỳnh Bá Đ để thanh toán tiền thuế khi chuyển nhượng QSDĐ; Đến ngày 02 tháng 11 năm

2017, ngân hàng có nhận được 02 thông báo nộp thuế của Chi cục thuế huyện CP, nên ngân hàng đã trích số tiền 202.500.000 đồng để nộp thuế theo thỏa thuận được ký trong hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa Ông T3, bà H2 với ông Đ. Nên, vào ngày 06 tháng 11 năm 2017, ngân hàng BIDV thực hiện giải tỏa tài khoản của bà H2, cùng ngày bà Hoàng Thị Thu H2 đã rút số tiền 329.650.000đồng còn lại trong tài khoản của mình tại ngân hàng BIDV.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 28/2022/DS-ST, ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố CĐ, tỉnh An Giang, Quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trần Minh Việt T3 và bà Hoàng Thị Thu H2 liên đới trả cho ông Huỳnh Bá Đ số tiền 216.603.500 (hai trăm mười sáu triệu, sáu trăm lẻ ba nghìn, năm trăm) đồng;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về việc thi hành án, án phí, và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trần Minh Việt T3 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không chấp nhận phải trả cho ông Huỳnh Bá Đ số tiền 216.603.500 (Hai trăm mười sáu triệu, sáu trăm lẻ ba nghìn, năm trăm đồng). Ông T3 cho rằng ông đã nộp thuế xong, nếu cơ quan thuế thu bổ sung thì phải thông báo cho ông nhiều lần, có quyết định phạt hành chính ông chậm thực hiện nghĩa vụ thuế, với ông cũng không có ủy quyền cho ông Đ nộp thuế thay.

Bà Hoàng Thị Thu H2 vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu kháng cáo.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông T3, bà H2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm buộc Ông T3, bà H2 hoàn trả lại cho ông Đ số tiền 216.603.500 đồng.

Đại diện hợp pháp của Chi cục thuế khu vực CĐ-CP yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Minh Việt T3. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2022/DS-ST, ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố CĐ.

Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị Thu H2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm Ông T3, bà H2 đã nộp đơn kháng cáo trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự và có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho các bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án hợp lệ nhưng bà H2 và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam-Chi nhánh Bắc An Giang vẫn vắng mặt không lý do, riêng đại diện hợp pháp của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh An Giang có đơn xin vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của Ông T3. HĐXX xét thấy, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27 tháng 6 năm 2017 được ký kết giữa ông Trần Minh Việt T3, bà Hoàng Thị Thu H2 (bên A) với ông Huỳnh Bá Đ (bên B), các bên thống nhất giá các diện tích đất chuyển nhượng 19.792,00m^2; 387,00m^2 và 3.592,4m^2, tổng diện tích 23.771,4m^2, (giấy chứng nhận QSDĐ đã thế chấp ngân hàng BIDV), giá chuyển nhượng là 8.100.000.000 đồng (tám tỷ một trăm triệu đồng); theo thỏa thuận: Bên B sẽ thanh toán cho bên A bằng hình thức chuyển khoản, chuyển đủ một lần vào tài khoản 709.10.00.004394-9, mở tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam-Chi nhánh Bắc An Giang (ngân hàng BIDV), chủ tài khoản là bà Hoàng Thị Thu H2, ngay sau khi hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ được công chứng chứng thực. Đồng thời bên A đồng ý cho ngân hàng BIDV phong tỏa tài khoản của bà Hoàng Thị Thu H2 tại ngân hàng BIDV số tiền 532.000.000đ (năm trăm ba mươi hai triệu đồng) để nộp thuế và bên A chịu trách nhiệm ký ủy nhiệm chi để chuyển khoản tiền nộp thuế từ tài khoản của bà Hoàng Thị Thu H2, số tài khoản 709.10.00.004394-9 (*Điều 8 hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017 được ký kết giữa Ông T3, bà H2 với ông Đ*);

Vào ngày 31 tháng 10 năm 2017, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh CP chuyển phiếu thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 4577.17/PCTTĐC (đóng các loại thuế, phí, lệ phí khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất). Đến ngày 02/11/2017, ngân hàng BIDV đã nhận được 02 thông báo nộp thuế của Chi cục thuế huyện CP (nay là Chi cục thuế khu vực CĐ-CP), nên ngân hàng BIDV đã trích số tiền 202.500.000 đồng từ tài khoản của bà H2 để nộp thuế. Đến ngày 06/11/2017, ngân hàng BIDV thực hiện giải tỏa tài khoản của bà H2 và bà H2 đã rút số tiền 329.650.000 (Ba trăm hai mươi chín triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng còn lại;

[3]. Do có khiếu nại về cấp đổi giấy chứng nhận QSDĐ từ Ông T3, bà H2 sang ông Đ không đúng mục đích sử dụng đất; Nên ngày 02/01/2018, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh CP ban hành Công văn số 01/CNCP-KT gửi Chi cục thuế huyện CP xác định lại nghĩa vụ tài chính (đóng thuế, phí, lệ phí); tại công văn này xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 4577.17/PCTTĐC ngày 31/10/2017 là chưa đúng với loại đất so với giấy chứng nhận số 05551/iF. Đến ngày 02/01/2018, Chi cục thuế huyện CP thông báo nộp thuế số 100554/TB-CCT cho ông Trần Minh Việt T3 và ông Huỳnh Bá Đ phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân chuyển nhượng quyền sử dụng đất; nộp thuế phí trước bạ nhà đất; cùng ngày bộ phận một cửa huyện CP thông báo và đề nghị ông Trần Minh Việt T3 thực hiện hoàn thành nghĩa vụ tài chính để chuyển hồ sơ đến văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh CP theo quy định, nhưng Ông T3, bà H2 không thực hiện việc nộp thuế. Do muốn nhận được giấy chứng nhận QSDĐ, nên ông Đ buộc phải nộp thay Ông T3, bà H2 số tiền 216.603.500 đồng, mà lẻ ra Ông T3, bà H2 phải nộp theo thỏa thuận hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ngày 27/6/2017;

Xét thấy, việc Chi cục thuế tính thuế là căn cứ vào thông tin loại đất phải chịu nộp thuế từ phiếu chuyển của Văn phòng đăng ký đất đai (Cơ quan chuyên môn về đất đai), nên việc Chi cục thuế đã ra các thông báo nộp thuế (người phải thực hiện nghĩa vụ tài chính) khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Do đó, trong trường hợp này Chi cục thuế đã thực hiện đúng quy định pháp luật về thông báo cho người phải nộp thuế;

Việc Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện CP, khi thực hiện việc chuyển thông tin cho Chi cục thuế để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất là có sai sót. Sau đó, Văn phòng đã kịp thời có thông báo lại việc nộp thuế bổ sung và cơ quan thuế đã thực hiện thông báo nộp thuế đúng quy định. Việc sai sót này, không làm thay đổi nghĩa vụ tài chính của người phải nộp thuế đối với từng loại đất (mục đích sử dụng đất) mà các bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã thỏa thuận, cũng như không làm thay đổi nghĩa vụ phải nộp thuế, lệ phí khi chuyển nhượng QSDĐ theo thỏa thuận giữa các bên đã ký kết trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Cũng như không gây thiệt hại cho người sử dụng đất.

Theo thỏa thuận tại Điều 5 của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (QSDĐ) ngày 27 tháng 6 năm 2017 giữa ông Đ với Ông T3, bà H2 thì: *"Việc nộp các loại thuế, phí, lệ phí do bên A (Ông T3, bà H2) chịu trách nhiệm nộp"*. Nhưng Ông T3, bà H2 không thực hiện. Và do cần phải nhận được giấy chứng nhận QSDĐ nên ông Đ buộc phải nộp thuế, phí, lệ phí thay cho Ông T3, bà H2 số tiền là 216.603.500đ *(Hai trăm mười sáu triệu sáu trăm lẻ ba ngàn năm trăm đồng)*, đúng theo thông báo của chi cục thuế. Nên ông Đ khởi kiện là có căn cứ. Tuy nhiên, đối với việc ông Đ yêu cầu Chi cục thuế và Văn phòng đăng ký đất đai cùng liên đới trả tiền là không có cơ sở, trái với giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký kết, thỏa thuận giữa ông Đ với Ông T3, bà H2.

Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ**,** Buộc Ông T3, bà H2 phải trả cho ông Đ số tiền là 216.603.500đ (Hai trăm mười sáu triệu sáu trăm lẻ ba ngàn năm trăm đồng). Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ yêu cầu Chi cục thuế và Văn phòng đăng ký đất đai cùng trả lại số tiền đã nộp thuế bổ sung là hoàn toàn có cơ sở.

[4]. Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, trong quá trình kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm Ông T3 không cung cấp được chứng cứ mới để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét. Do đó, nghĩ nên chấp nhận quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Không chấp nhận kháng cáo của Ông T3. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 10/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

[5]. Đối với yêu cầu kháng cáo của bà H2. Bà H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do coi như từ bỏ việc kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của bà H2.

[6]. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án về việc "Tranh chấp dân sự hoàn trả tài sản", nhưng tại phần trích yếu của bản án thì ghi "Tranh chấp dân sự về việc tiếp tục thực hiện hợp đồng, bồi thường thiệt hại" là chưa đúng với quan hệ tranh chấp mà Tòa án sơ thẩm đã thụ lý. Đồng thời, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm. Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ**,** Buộc Ông T3, bà H2 phải trả cho ông Đ số tiền là 216.603.500 đồng (Hai trăm mười sáu triệu, sáu trăm lẻ ba nghìn năm trăm đồng), nhưng không tuyên phần không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ yêu cầu Chi cục thuế khu vực CĐ – CP và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh An Giang cùng trả lại số tiền đã nộp thuế bổ sung là có thiếu sót. Tuy nhiên, xét thấy không làm thay đổi bản chất và cũng không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, nên cấp phúc thẩm sửa lại phần trích yếu và phần quyết định của bản án sơ thẩm, tuyên cho đúng. Như vậy, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[7]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ông T3, phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Sung vào ngân sách nhà nước đối với số tiền bà H2 đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

[8]. Các phần quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Minh Việt T3.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị Thu H2.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 10/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố CĐ, về phần Quyết định.

Căn cứ các Điều 166; Điều 352 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Bá Đ.

Buộc ông Trần Minh Việt T3 và bà Hoàng Thị Thu H2 liên đới trả cho ông Huỳnh Bá Đ số tiền 216.603.500đ (Hai trăm mười sáu triệu, sáu trăm lẻ ba nghìn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Bá Đ, về yêu cầu Chi cục thuế khu vực CĐ – CP và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh An Giang cùng trả lại số tiền 216.603.500 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Bá Đ 5.415.000đ (Năm triệu, bốn trăm mười lăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003324 ngày 10/9/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

Bị đơn ông Trần Minh Việt T3 và bà Hoàng Thị Thu H2 cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 10.830.000đ (Mười triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông T3 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0002211 ngày 08/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

Sung vào ngân sách nhà nước số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002210 ngày 08/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

Các phần quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND thành phố CĐ;
- VKSND thành phố CĐ;
- Chi cục THADS thành phố CĐ;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Phòng KTNV & THA, Tòa Dân sự, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Thám